Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 20.12.2019 09:42:59 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 446 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 02 tháng 12 năm 2019*

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình hoạt động hiệu quả của hợp tác xã

Thực hiện Công văn số 7927/BKHĐT-HTX ngày 28/10/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo đánh giá tình hình hoạt động hiệu quả của HTX tại các địa phương, UBND tỉnh Tây Ninh báo cáo như sau:

I. Khái quát chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

1. Điều kiện tự nhiên

Tỉnh Tây Ninh có tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh là 404.125,3 ha, dân số khoảng 1.169.165 người, có 9 đơn vị hành chính bao gồm: thành phố Tây Ninh và 8 huyện, cách TP.Hồ Chí Minh 99km về phía Tây Bắc theo Quốc lộ 22.

Tỉnh Tây Ninh thuộc miền Đông Nam bộ và Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, phía Tây và Bắc giáp vương quốc Camphuchua, phía Đông giáp tỉnh Bình Dương, Bình Phước, phía Nam giáp thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An, là tỉnh chuyển tiếp giữa vùng núi và cao nguyên Trung bộ xuống đồng bằng sông Cửu Long. Tây Ninh nằm ở vị trí cầu nối giữa thành phố Hồ Chí Minh và thủ đô Phnôm Pênh, Vương quốc Campuchia.

2. Kinh tế

Năm 2019, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ước thực hiện 56.371 tỷ đồng, tăng 8,4% so với cùng kỳ. GRDP bình quân đầu người đạt 2.940 USD. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh ước thực hiện 9.366 tỷ đồng, tăng 17,1% dự toán, tăng 22,1% so với cùng kỳ.

Giá trị sản xuất nông – lâm – thủy sản ước thực hiện 26.007 tỷ đồng, bằng 96% so với KH, tăng 0,4% so với cùng kỳ; Giá trị sản xuất công nghiệp thực hiện 89.109 tỷ đồng, tăng 16,3% so với CK; Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ ước thực hiện 30.737 tỷ đồng, tăng 6,3% so với cùng kỳ; Kim ngạch xuất khẩu ước thực hiện 3.968 triệu USD, bằng 95% so với cùng kỳ; Kim ngạch nhập khẩu ước thực hiện 3.438 triệu USD, tăng 15% so với cùng kỳ; Thu hút đầu tư nước ngoài: Đạt 1.484 triệu USD, tăng 91,3% so với cùng kỳ.

3. Văn hóa xã hội

Tây Ninh có 22 dân tộc, trong đó 21 dân tộc thiểu số đang sinh sống (chủ yếu là các dân tộc Khmer, Chăm, Hoa...). Tây Ninh có 05 tôn giáo chính, gồm: Cao Đài, Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Hồi giáo Islam, với 804.604 tín đồ, 1.871 chức sắc, 8.653 chức việc (không có phẩm trong tôn giáo). Tỉnh có nhiều di tích lịch sử, di tích văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, di chỉ khảo cổ... nổi bật là núi Bà, Chùa Tòa Thánh Tây Ninh, Di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Căn cứ Trung ương Cục miền Nam, Hồ Dầu Tiếng.

II. Tình hình phát triển hợp tác xã

1. Tình hình chung của HTX tính đến thời điểm 30/9/2019, ước thực hiện năm 2019 (*Phụ lục 1 kèm theo*).

(1) Đến tháng 9 năm 2019 toàn tỉnh có 126 HTX, trong đó có 73 HTX hoạt động hiệu quả. Tính đến 30/9/2019, có 14 HTX thành lập mới, 99% các HTX đã tổ chức hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012, chỉ còn 01 HTX chưa tổ chức lại do vướng công nợ, ngưng hoạt động kéo dài không giải thể được.

Số lượng HTX theo từng lĩnh vực: Lĩnh vực nông nghiệp: 86 HTX (Dịch vụ Nông nghiệp: 68 HTX; sản xuất rau an toàn: 06 HTX; nuôi thủy sản: 01 HTX; Chăn nuôi: 03 HTX; HTX dịch vụ thủy lợi: 8 HTX); Lĩnh vực công, thương nghiệp:12 HTX (Thương mại dịch vụ 01 HTX; TTCN 06 HTX, 03 HTX chợ và 02 HTX Vệ sinh Môi trường); Lĩnh vực giao thông vận tải: 10 HTX; Lĩnh vực tín dụng: 18 Quỹ TDND.

(2) Tổng số thành viên HTX là 30.840 thành viên. Trong đó, thành viên của các Quỹ TDND là 25.717 hộ, thành viên các HTX nông nghiệp là 3.286 hộ, thành viên các HTX vận tải là 2.410 hộ, thành viên các HTX phi nông nghiệp khác là 573 hộ. Tổng số lao động trong khu vực kinh tế tập thể chỉ đạt 7.604 người, trong các HTX nông nghiệp có 1.356 người, các HTX vận tải có 5.320 người, lĩnh vực tín dụng có 265 người, còn lại các HTX phi nông nghiệp khác là người.

(3) Khi tham gia HTX, tùy thuộc vào quy mô hoạt động, khả năng huy động vốn và năng lực điều hành của bộ máy, điều hành HTX mà số lượng, hình thức, mức độ tiện ích các dịch cung cấp cho thành viên ở mỗi HTX phục vụ thành viên khác nhau. Các lợi ích này của thành viên được pháp luật và điều lệ HTX quy định, được sự giám sát thường xuyên của thành viên cho nên các quyền và lợi ích của thành viên khi tham gia các HTX đều được đảm bảo.

- Thu nhập trung bình của thành viên HTX khoảng 3,6 triệu đồng/tháng.

- Thu nhập trung bình của lao động làm việc thường xuyên trong HTX: 65 triệu đồng/năm (KH 2019: 55 triệu đồng)

(4) Các khó khăn của HTX trong việc tạo ra sản phẩm, dịch vụ cung ứng cho thành viên:

Các HTX chưa có sự tìm hiểu và nắm bắt nhu cầu của thị trường dẫn đến lợi ích kinh tế mang về chưa cao. Bên cạnh đó, sự lạc hậu về trình độ khoa học công nghệ, khó khăn trong việc quản lý điều hành còn, lúng túng trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như phục vụ thành viên và hạn chế về vốn nên HTX chưa có sự đột phá trong nhận thức và hành động đẩy mạnh phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh tạo nhiều sản phẩm dịch vụ phục vụ thành viên.

(5) Về số lượng, chất lượng cán bộ HTX:

Tổng số cán bộ quản lý điều hành các HTX là 614 người, trong đó đã qua đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp là 176 người chiếm 28,6%; trình độ cao đẳng, đại học là 120 người chỉ chiếm 19,5% . Tuy nhiên, cán bộ quản lý điều hành đã qua đào tạo hoặc có trình độ chỉ tập trung ở các Quỹ TDND và các HTX giao thông; Hầu hết cán bộ quản lý điều hành ở các HTX lĩnh vực nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chưa qua đào tạo hoặc có trình độ thấp (sơ cấp hoặc bồi dưỡng ngắn hạn), đây là vấn đề khó khăn cho sự phát triển của các HTX lĩnh vực này.

(6) Về quy mô đất đai, tài sản của HTX:

Hầu hết các HTX đều sản xuất kinh doanh trên vốn góp điều lệ và tài sản của thành viên cho thuê, hoặc đấu giá thuê các diện tích đất công làm trụ sở, các HTX không có quỹ đất chung thuộc sở hữu của HTX, không có mặt bằng để triển khai sản xuất kinh doanh, phát triển dịch vụ. Ngoại trừ các Quỹ TDND, rất ít các HTX tích lũy được tài sản không chia, quy mô của các HTX đại đa số còn nhỏ lẻ, manh mún, chưa có sản phẩm, dịch vụ có chất lượng để phục vụ thành viên và đưa ra thị trường, đa phần thành viên các HTX chưa mạnh dạn góp vốn để HTX phát triển sản xuất kinh doanh.

(7) Kết quả hoạt động của HTX:

- Doanh thu trung bình của HTX: 240 triệu đồng/năm, ước thực hiện năm 2019 là 265 triệu đồng/năm.

- Lợi nhuận trung bình của HTX nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: 60 triệu đồng/ năm; Quỹ TDND lợi nhuận đạt 1.500 triệu đồng/ năm; HTX Vận tải đạt 120 triệu đồng/ năm.

(8) Vai trò và hiệu quả của HTX trong phát triển kinh tế xã hội của địa phương:

Nhiều HTX đã tập trung hơn vào việc hỗ trợ các thành viên phát triển kinh tế hộ gia đình, cung cấp các dịch vụ đầu vào, đầu ra cho thành viên nhất là các HTX nông nghiệp. Các HTX tạo động lực thúc đẩy kinh tế hộ phát triển thông qua các dịch vụ cho vay vốn, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh các hoạt động chủ yếu là phục vụ các nhu cầu kinh tế, đời sống của hộ thành viên, các HTX còn tạo ra lượng sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ để đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của

xã hội. Vai trò HTX ngoài yếu tố lợi ích kinh tế cho các thành viên, còn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đó là tạo việc làm cho lao động nông thôn, góp phần tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, ổn định xã hội, đề cao tinh thần tương thân tương ái, vì cộng đồng, góp phần với các cấp chính quyền địa phương, các ngành, đoàn thể xây dựng nông thôn mới.

2. Đánh giá hiệu quả hoạt động của các HTX tính đến thời điểm 30/9/2019, ước thực hiện năm 2019

Trong tổng số 126 HTX trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, số HTX hoạt động hiệu quả chiếm 59,3% tổng số HTX (73/123 HTX). Các HTX vừa sản xuất, vừa làm dịch vụ cho nhu cầu sản xuất của hộ thành viên như: cung ứng phân bón, thuốc trừ sâu, làm đất, tưới tiêu, cung cấp giống và bao tiêu sản phẩm. Sau khi tổ chức lại theo Luật Hợp tác xã năm 2012, các HTX đã chú trọng mở rộng dịch vụ cung cấp thành viên và nâng cao chất lượng phục vụ. Từ chỗ chỉ thực hiện các dịch vụ chăm sóc và thu hoạch, một số HTX đã tăng cường thêm các dịch vụ như cung ứng giống vật nuôi, cây trồng; cung ứng vật tư, phân bón, thức ăn và thuốc bảo vệ thực vật; dịch vụ tiêu thụ sản phẩm... Nhờ đó, số lượng thành viên tham gia HTX ngày càng nhiều, tỷ lệ thành viên sử dụng dịch vụ ngày càng cao, dẫn đến hiệu quả hoạt động của HTX ngày tốt hơn, đời sống thành viên ngày một cải thiện từng bước góp phần xây dựng nông thôn mới.

3. Đề xuất HTX tham gia đề án thí điểm:

- HTX Dịch vụ Nông nghiệp Tân Tiến – Suối Ngô

- HTX Xoài tứ quý Thạnh Bắc, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh

Đây là 02 hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp có hoạt động ổn định, cung cấp được nhiều dịch vụ cho thành viên đồng thời đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và đầu tư tại Công văn 7927/BKHĐT-HTX, ngày 28/10/2019.

III. Kết quả thực hiện các chính sách

1. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực.

HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 về chế độ tài chính hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực của hợp tác xã, thành lập mới hợp tác xã trên địa bàn tỉnh theo Thông tư số 340/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính. Năm 2019, Tỉnh bố trí kinh phí 895 triệu đồng từ ngân sách tỉnh và trung ương hỗ trợ cho công tác đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực và thành lập mới HTX. 09 tháng đầu năm 2019, Tỉnh đã hỗ trợ thành lập mới 14 HTX, tổ chức 13 lớp tập huấn kiến thức kinh tế tập thể và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho 650

lượt học viên là thành viên, người lao động trong THT, HTX, QTDND; hội viên các đoàn thể trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg: Tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng về làm việc có thời hạn tại HTX giai đoạn 2019-2020, ước tổng kinh phí là 949 triệu đồng. Theo Kế hoạch, giai đoạn 2019-2020 Tỉnh dự kiến hỗ trợ 11 lao động cho 08 HTX nông nghiệp.

Năm 2019 Tỉnh đã bố trí 679 triệu đồng để thực hiện tuyên truyền, kiểm tra hướng dẫn thực hiện tiêu chí 13, trong đó có 450 triệu đồng hỗ trợ xây dựng 03 mô hình HTX kiểu mới ở các địa phương: Tân Châu, Châu Thành, Bến Cầu.

2. Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

Năm 2019, Tỉnh bố trí kinh phí 100 triệu đồng từ ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại cho khu vực kinh tế tập thể. 06 tháng đầu năm 2019, tỉnh đã chủ trương tổ chức 01 đoàn tham gia Hội chợ xúc tiến thương mại HTX năm 2019 do Liên minh HTX Việt Nam tổ chức, 02 hoạt động kết nối cung cầu, tìm kiếm và mở rộng thị trường sẽ được tổ chức vào tháng 10/2019 ở các tỉnh bạn như Bến Tre, Cần Thơ và Hậu Giang.

3. Về ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới

Tỉnh thường xuyên chỉ đạo các đơn vị có liên quan quan tâm củng cố, tạo điều kiện cho các HTX được giao sử dụng và khai thác nhãn hiệu hàng hóa và chỉ dẫn địa lý do Tỉnh hỗ trợ xây dựng: mãng cầu Bà Đen, bánh tráng phơi sương Trảng Bàng, Muối ớt Tây Ninh và các sản phẩm rau an toàn sản xuất theo tiêu chuẩn sạch, VietGap.

4. Chính sách tiếp cận vốn và Quỹ hỗ trợ phát triển HTX

Nguồn vốn Quỹ hỗ trợ phát triển HTX của tỉnh được thành lập năm 2014 với vốn điều lệ do ngân sách cấp là 20 tỷ đồng, đến nay đã hỗ trợ 18 dự án thuộc 10 hợp tác xã và 03 tổ hợp tác được giải ngân với số tiền vay là 13,4 tỷ đồng. Quỹ quốc gia giải quyết việc làm thuộc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hỗ trợ 07 dự án vay vốn với số tiền 970.000.000 đồng. Bên cạnh đó Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX Trung ương do Liên minh HTX Việt Nam điều hành phân khai 5 tỷ đồng cho các HTX trên địa bàn tỉnh Tây Ninh vay phát triển sản xuất nhưng chưa có HTX nào được giải ngân.

5. Chính sách hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã

Hợp tác xã thành lập mới được hỗ trợ tập huấn tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và các quy định của Nhà nước về phát triển kinh tế hợp tác, tư vấn thành lập mới hợp tác xã bằng nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ. Nhìn chung, các hợp tác xã mới

UBND tỉnh quan tâm đầu tư hạ tầng chung như: giao thông, cấp điện...cho các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh phát triển, trong đó các tổ hợp tác và hợp tác xã. Đã triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đến nay có 01 hợp tác xã được bố trí vốn hỗ trợ, lồng ghép vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

7. Chính sách giao đất, cho thuê đất.

Tỉnh đã quan tâm đầu tư xây dựng trụ sở làm việc cho các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; giới thiệu địa điểm và tạo mọi điều kiện để các tổ hợp tác, hợp tác xã tiếp cận được quỹ đất công của tỉnh để đầu tư sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả.

8. Chính sách ưu đãi về tín dụng.

Chính sách được triển khai đến hệ thống các ngân hàng nông nghiệp phát triển nôn thôn, tuy nhiên các hợp tác xã gặp khó khăn về phần ký gửi tài sản tín chấp cho nên không tiếp cận được các nguồn vốn ưu đãi này.

9. Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn, thiên tai, dịch bệnh

Hàng năm UBND tỉnh đã bố trí kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn, thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh là 5.000.000.000 đồng nhưng chưa có hợp tác xã tiếp cận, nhận hỗ trợ.

10. Chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm

Tỉnh đã bố trí 4.704.000.000 đồng hỗ trợ chế biến sản phẩm của các HTX, dự kiến hỗ trợ 24 HTX trong giai đoạn 2016 – 2020. Đến nay chưa có HTX tiếp cận để được hỗ trợ.

IV. Đánh giá về hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

1. Hạn chế:

Tuy đạt được một số kết quả nhất định, nhưng nhìn chung khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế. Phong trào kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, cụ thể:

- Nhiều chính sách đã được chính phủ ban hành rất hợp lòng dân nhưng khó thực hiện ở địa phương, hoặc chưa được Bộ, ngành hướng dẫn thực hiện. Đến nay, nhiều chủ trương của Trung ương chưa được triển khai đầy đủ ở địa phương.

- Nguồn nhân lực thực hiện theo dõi kinh tế tập thể còn kiêm nhiệm, chưa chuyên trách. Việc phân công trách nhiệm tham mưu, quản lý hợp tác xã ở cấp huyện chưa đồng nhất.

- Luật Hợp tác xã năm 2012, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP, ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định 11 chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hợp tác xã

nhưng thực tế các chính sách này đi vào cuộc sống không nhiều. Có chính sách rất ít hợp tác xã tiếp cận được như chính sách hỗ trợ về kết cấu hạ tầng, chính sách hỗ trợ giao đất, cho thuê đất. Một số chính sách thực hiện chưa hiệu quả như chính sách ưu đãi tín dụng, hỗ trợ chế biến sản phẩm, ... số lượng hợp tác xã được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước còn hạn chế;

- Chưa xây dựng được nhiều mô hình hợp tác xã kiểu mới, quy mô lớn, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ theo chuỗi giá trị nông sản thông qua hợp đồng kinh tế. Việc phổ biến, nhân rộng mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả chưa được triển khai hiệu quả giúp cho người dân tin tưởng vào các lợi ích về kinh tế - xã hội do hợp tác xã mang lại;

- Đa số các hợp tác xã có vốn ít, trang thiết bị lạc hậu, quy mô sản xuất nhỏ, chưa xây dựng được chuỗi liên kết. Khả năng huy động của các hộ thành viên rất hạn chế, khó vay vốn từ ngân hàng. Một số hợp tác xã chưa thể hiện được vai trò kết nối giữa các thành viên với thị trường, sự gắn kết lợi ích giữa hợp tác xã và các thành viên mờ nhạt, chưa mang tinh thần hợp tác. Lợi ích kinh tế trực tiếp do hợp tác xã mang lại cho thành viên chưa nhiều. Việc liên kết, liên doanh giữa hợp tác xã với hợp tác xã, giữa hợp tác xã với các thành phần kinh tế khác còn ít;

- Công tác kế toán, tài chính của hợp tác xã chưa được thực hiện nghiêm túc, bài bản; việc xây dựng báo cáo tài chính, phương án kinh doanh còn hạn chế;

- Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã vừa yếu vừa thiếu, đa phần là cán bộ kiêm nhiệm, chưa có tổ chức bộ máy cán bộ chuyên trách thống nhất để tập trung trí tuệ, sức lực nghiên cứu xây dựng, triển khai thực hiện nghị quyết, pháp luật và chính sách kinh tế tập thể;

2. Nguyên nhân của hạn chế

a)Nguyên nhân khách quan

Bộ máy quản lý nhà nước về hợp tác xã chưa được kiện toàn theo yêu cầu, đội ngũ cán bộ tham mưu quản lý nhà nước về hợp tác xã thiếu thực tế nên việc tham mưu thực hiện công tác quản lý hợp tác xã còn hạn chế.

b) Nguyên nhân chủ quan

Nhận thức về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã của một bộ phận cán bộ các cấp và nhân dân chưa đầy đủ, chưa hiểu đúng bản chất, vai trò của hợp tác xã kiểu mới;

Một số hợp tác xã hoạt động còn trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Trình độ nhận thức, năng lực và kinh nghiệm của hầu hết cán bộ quản lý hợp tác xã còn yếu, chưa được đào tạo bài bản; trong điều hành hoạt động, cán bộ quản lý hợp tác xã còn lúng túng, chậm thích ứng với cơ chế thị trường. Mặt khác, đa số hợp tác

còn yếu, chưa được đào tạo bài bản; trong điều hành hoạt động, cán bộ quản lý hợp tác xã còn lúng túng, chậm thích ứng với cơ chế thị trường. Mặt khác, đa số hợp tác xã có trình độ quản lí, năng lực tài chính thấp, thiếu vốn sản xuất kinh doanh nên việc thu hút, huy động các nguồn lực về con người và về vốn còn khó khăn.

V. Giải pháp cho việc thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX

1. Về cơ chế chính sách

Tiếp tục rà soát, sửa đổi cơ chế, chính sách đã ban hành; bổ sung để hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ HTX và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Tạo sự đột phá mạnh mẽ về cơ chế chính sách để thu hút các doanh nghiệp lớn làm đầu tàu tham gia liên kết cùng HTX tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, bảo quản, tiêu thụ nông sản trên các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp nhằm tạo động lực mới để chuyển đổi hoàn toàn hoạt động của các HTX nông nghiệp kiểu cũ; củng cố, duy trì, phát triển HTX kiểu mới với các phương thức, quy mô hoạt động, mô hình tổ chức phù hợp gắn với trình độ phát triển của các trục ngành hàng lớn theo các cấp độ sản phẩm trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Về nguồn lực

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý nhà nước và HTX, trong đó đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý HTX, thành viên, người sáng lập khởi nghiệp các HTX nhằm trang bị kiến thức đảm bảo các HTX hoạt động có hiệu quả;

Huy động nguồn lực để hỗ trợ có hiệu quả cho HTX. Nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà nước theo chính sách được huy động từ: Hỗ trợ phát triển HTX tại Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ; chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ; chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế và phòng chống giảm nhẹ thiên tai và ổn định đời sống dân cư theo Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ... Huy động các nguồn lực từ nguồn vốn vay các Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX, Quỹ Hỗ trợ nông dân, các tổ chức tín dụng; vốn của doanh nghiệp và vốn đối ứng của các hợp tác xã.

3. Giải pháp liên kết giữa HTX với doanh nghiệp và các tổ chức khác

Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018; Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 12/4/2019 về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019 – 2025; Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định về hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019 – 2025; Quyết định 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng

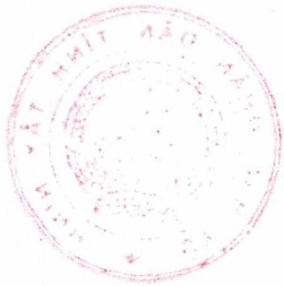
chính phủ nhằm hỗ trợ các HTX, THT sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, định kỳ báo cáo và đề xuất các kiến nghị của địa phương trong xây dựng và phát triển các mô hình tổ chức kinh tế hợp tác, liên kết trong nông nghiệp./.

Nơi nhận:
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Liên minh HTX Việt Nam;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Các Sở, ngành có liên quan;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT.VP.

Trúc 30

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.

Trần Văn Chiến



Phụ lục 1

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019		Kế hoạch Năm 2020
			Thực hiện 9 tháng 2019	ƯTH cả năm 2019	
I	**Hợp tác xã**				
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	126	130	153
	Trong đó:				
	Số HTX hoạt động hiệu quả	HTX	121	128	153
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	30.840	32.000	35.000
3	Tổng số lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Thành viên	5.700	5.700	6.000
	Trong đó:				
	Số lao động là thành viên hợp tác xã	Người	3.246	3.815	4.610
4	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người	614	614	620
	Trong đó:				
	Số cán bộ quản lý hợp tác xã đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	302	302	320
	Số cán bộ quản lý hợp tác xã đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	155	185	200
5	Doanh thu bình quân một hợp tác xã	Triệu đồng/năm	240	265	290
	Trong đó: Doanh thu của HTX với thành viên				
6	Lãi bình quân một hợp tác xã	Triệu đồng/năm	300	340	350
7	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Triệu đồng/năm	55	60	65
II	**LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ**				
1	Tổng số Liên hiệp HTX				
	Trong đó: S ố liên hiệp HTX hoạt động hiệu quả				
2	Tổng số HTX thành viên				
3	Tổng số lao độmg trong liên hiệp HTX				
4	Doanh thu bình quân của một liên hiệp HTX				
5	Lãi bình quân của một liên hiệp HTX				

Phụ lục 2
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018			Năm 2019			Ước thực hiện năm 2020		
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
				CTMTQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTMTQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTMTQG XD NTM	Nguồn vốn khác
I	**HỖ TRỢ CHUNG ĐỐI VỚI CÁC HTX**										
1	**Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, thí điểm đưa cán bộ trẻ, tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX**		740								
	-Số người được cử đi đào tạo	Người	46			7			20		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	303			114		114	193		
	Trong đó:										
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr.đồng	303		303	114		114	193		
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr.đồng									
	-Số người được tham gia bồi dưỡng	Người	2.654			2.513			2.890		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	437			486		486	694		694
	Trong đó:										
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr.đồng	437		437	486		486	694		694
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr.đồng									
	-Thí điểm đưa cán bộ trẻ, tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX	Người				11			11		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng				904			904		
	Trong đó:										
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr.đồng				904			904		
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr.đồng									
2	**Hỗ trợ về xúc tiến thương mại mở rộng thị trường**										

	Số HTX được hỗ trợ	HTX	15			20			20		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	100			100			100		100
	Trong đó:										
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr.đồng									
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr.đồng	100		100	100			100		100
3	**Hỗ trợ về ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ mới**										
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	1			1					
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	150			150					
	Trong đó:										
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr.đồng	150		150	150					
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr.đồng									
4	**Hỗ trợ tiếp cận vốn và Quỹ hỗ trợ phát triển HTX**										
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	7			5			4		
	Tổng số vốn được vay	Tr.đồng	5.200			3.000			2.500		
5	**Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế xã hội**										
	Số HTX được hỗ trợ	HTX									
6	**Hỗ trợ thành lập mới**										
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	15			10			38		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	85.010			92,67			450		
	Trong đó:										
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr.đồng							450		
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr.đồng	85.010			92,67					
II	**HỖ TRỢ RIÊNG ĐỐI VỚI CÁC HTX NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP**										
1	**Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng**										
	-Số HTX được hỗ trợ	HTX				2			20		
	-Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng				200			2.000		
	Trong đó:										

	Nguồn vốn từ trung ương	Tr.đồng				135			1.400			
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr.đồng				65			600			
2	**Hỗ trợ giao đất, thuê đất**											
	Số HTX được hỗ trợ giao đất	HTX				2			10			
	Tổng diện tích đất được giao	m2				20.000			100.000			
	Số HTX được hỗ trợ cho thuê đất	HTX				12			15			
	Tổng diện tích đất được cho thuê	m2				120.000			150.000			
3	**Ưu đãi về tín dụng**											
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	7			4			5			
	Tổng số vốn được vay ưu đãi	Tr.đồng	5.200		400	4.000			5.000			
4	**Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn thiên tai dịch bệnh**											
	Số HTX được hỗ trợ	HTX				10			10			
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng				1.000			1.000			
	Trong đó:											
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr.đồng										
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr.đồng										
5	**Hỗ trợ về chế biến sản phẩm**											
	Số HTX được hỗ trợ	HTX				10			15			
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng				2.000			3.000			
	Trong đó:											
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr.đồng				2.000			3.000			
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr.đồng										
5	**Hỗ trợ xây dựng mô hình HTX điển hình**											
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	4	4		3	3		3	3		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	540	540		450	450		450	450		
	Trong đó:											
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr.đồng										
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr.đồng										

